

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 164/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 28 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA IV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 5794/TTr- UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

phk

1. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa được tính theo Biểu sau:

STT	Biện pháp công trình	Giá (đồng/ha/vụ)	Ghi chú
1	Tưới, tiêu bằng động lực	1.629.000	Là biện pháp tưới, tiêu bằng công trình trạm bơm
2	Tưới, tiêu bằng trọng lực	1.140.000	Là biện pháp tưới, tiêu bằng công trình hồ đập, kênh, cống
3	Tưới, tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.385.000	Là biện pháp tưới, tiêu bằng công trình hồ đập, kênh, cống có sự hỗ trợ của công trình trạm bơm

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tại Biểu trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá tại Biểu trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá tại Biểu trên.

d) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá tại Biểu trên.

đ) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho việc tưới được tính bằng 70%, cho việc tiêu bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

2. Mức giá đối với diện tích gieo, trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

3. Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Giá dịch vụ theo biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh cống
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
3	Cấp nước tưới cho các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

ph

Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m^3) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

4. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa/vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 28 tháng 10 năm 2021, có hiệu lực từ ngày thông qua và được áp dụng cho cả năm ngân sách 2021./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc Hội, Chính phủ;
- Các Bộ: NN và PTNT, TC;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, CT.HĐND. 

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung